

Số: **135**/KL-TTr

Hà Nội, ngày **22** tháng 6 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty TNHH DHG là nhà thầu thi công dự án xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2

Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTr ngày 12/5/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp là nhà thầu thi công dự án xây dựng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, ngày 30/5/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH DHG.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/6/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH DHG (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201806819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/9/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 06/5/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: xây lắp.
- Điện thoại giao dịch: 02253.653.384 Fax: 02253.653.384.
- Trụ sở chính: tầng 7, tòa nhà Taiyo số 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Số tài khoản 2521190666888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng; số 32310000548824 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng.

2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Tên gói thầu: tổng thầu thi công xây dựng nhà máy luyện cốc.
- Giá trị hợp đồng: 986.000.000.000 đồng.
- Ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất.
- Ngày khởi công: 05/4/2023.
- Thời gian thi công dự kiến: 480 ngày.



- Địa chỉ ban điều hành tại hiện trường: thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ: doanh nghiệp ký hợp đồng với các nhà thầu phụ gồm Công ty Cổ phần xây dựng PHCONS, Công ty TNHH MTV Xây lắp và dịch vụ Phạm Gia.

- Số người lao động của doanh nghiệp đang làm việc tại công trường: 53 người.

3. Trách nhiệm quản lý, điều hành các nhà thầu phụ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp

- Đã xây dựng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và phương tiện ra vào công trường, tập kết và xử lý chất thải xây dựng phù hợp.

- Đã thành lập bộ phận giám sát an toàn chung và đề ra biện pháp bảo đảm an toàn lao động khi có nhiều đơn vị cùng thi công trên một công trường.

- Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp thi công và biện pháp an toàn của nhà thầu phụ: nhà thầu phụ đã thi công theo biện pháp thi công và biện pháp an toàn đã được doanh nghiệp phê duyệt và ban hành; đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; đã kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ cho người lao động, người lao động đã sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân tại công trường.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: không.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 53 người.

- Số người đã ký giao kết đồng lao động 53 người, trong đó hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 53 người.

- Số người lao động thuê lại: không phát sinh.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: không.

- Nội dung hợp đồng lao động: kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, mục địa điểm làm việc ghi "Công ty TNHH DHG".

2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.

- Đã bố trí người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện việc nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng theo đúng quy định của pháp luật.

- Đã thực hiện ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày/năm chưa tính thâm niên.

3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Mức lương thấp nhất: 7.000.000 đồng/người/tháng, cao nhất: 30.000.000 đồng/người/tháng.
- Doanh nghiệp đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 20.000 đồng/người/ca. Các khoản bổ sung khác: không
- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (Số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 53 người; số người đã tham gia: 53 người.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động là mức lương, phụ cấp lương ghi trên hợp đồng lao động.

5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 35 người.
- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên. Tuy nhiên, chưa quy định mức phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 22 người, trong đó có 05 người làm việc theo chế độ chuyên trách.
- Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để làm công tác y tế tại công trường, đồng thời chủ đầu tư đã bố trí phòng y tế để phục vụ công tác an toàn chung cho toàn bộ người lao động tại công trường.
- Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.
- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc. Tuy nhiên, biện pháp đảm bảo an toàn lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định, cụ thể: quy định quản lý, sử dụng các thiết bị nâng theo quy chuẩn QCVN 02:2011/BLĐTBXH đã hết hiệu lực; quy định việc rào chắn với chiều cao 1m tại các vị trí giếng, hầm, hố trên mặt bằng và lỗ trống trên sàn tầng công tác là chưa đảm bảo quy định.
- Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.

- Chưa lập sổ theo dõi khám sức khỏe cho người lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên còn thiếu sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (garo, gạc thấm nước, panh không máu trắng, nẹp).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 03 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (03 cần trục) đã được kiểm định

- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: không.

6. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng

6.1. Những quy định chung

- Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công.

- Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.

- Lập và ghi sổ nhật ký an toàn lao động tại công trình: không phát sinh.

- Rào chắn, biển cảnh báo để ngăn ngừa xâm nhập trái phép: không phát sinh (do chủ đầu tư đã thực hiện).

- Đã lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.

- Đã xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.

- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.

- Xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình: nhà thầu phụ thực hiện.

- Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại.

- Đã bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

6.2. Công tác an toàn điện

- Đã có bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện. Dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.

- Hệ thống bảo vệ chống sét cho các thiết bị điện, hệ thống điện: chủ đầu tư đã thực hiện.

- Đã kiểm tra, thử nghiệm trước khi sử dụng các thiết bị điện.

- Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện; hướng dẫn cụ thể về trình tự phải thực hiện trong các trường hợp: hỏa hoạn, sơ cứu, cấp cứu, hồi sức cho những người bị điện giật; tên và cách thức liên lạc của người được giao nhiệm vụ quản lý an toàn điện để thông báo, liên lạc khi xảy ra tai nạn do điện, sự cố nguy hiểm như cháy, nổ thiết bị hoặc sự cố khác.

- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

6.3. Thang và giàn giáo: không phát sinh.

6.4. Công tác hàn

- Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao.

- Lập và thực hiện biện pháp an toàn, thông gió khi tiến hành hàn tại buồng, thùng, khoang, bể kín: không phát sinh.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn.

- Khoảng cách an toàn giữa các chai chứa khí nén: không phát sinh.

6.5. Công tác đào, đắp đất đá

- Đã lập kế hoạch và có biện pháp thi công, biện pháp xử lý các sự cố, biện pháp cứu nạn cụ thể trước khi thực hiện đào, đắp đất đá được cấp có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận.

- Đã xác định vị trí cụ thể của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể gây nguy hiểm khi thi công như cống ngầm, ống dẫn khí đốt, ống dẫn nước, đường dây dẫn điện và các hệ thống ngầm khác.

- Đã rào ngăn cách hoặc treo lên cao và có đánh dấu cảnh báo đầy đủ hoặc có biện pháp bao bọc bảo vệ để đảm bảo an toàn trong trường hợp các đường ống ngầm, đường dây dẫn điện và những hệ thống ngầm khác không thể di dời hoặc không thể ngắt kết nối.

- Chưa bố trí lan can, các vật cản để chặn và (hoặc) rào chắn vững chắc, phù hợp để ngăn người hoặc các vật rơi xuống hố đào.

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm: không phát sinh.

6.7. Ván khuôn và thi công bê tông

- Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng, kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì, tháo dỡ ván khuôn.

- Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.

- Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công.

- Đã kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

6.8. Làm việc trên cao: không phát sinh.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện trong thời kỳ thanh tra

Không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.

1.2. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.

1.3. Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày.

1.4. Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

1.5. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.7. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.

1.8. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ những người thuộc đối tượng phải tham gia.

1.9. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.10. Đã bố trí người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định.

1.11. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

1.12. Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.

1.13. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.14. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.15. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.

1.16. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.17. Doanh nghiệp sử dụng 03 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (03 cần trục) đã được kiểm định.

1.18. Trong thời kỳ thanh tra, tại công trường không để xảy ra tai nạn lao động.

1.19. Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công; lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình; lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại; xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động; dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường; thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại; bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

1.20. Đã có bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện. Dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.

1.21. Đã kiểm tra, thử nghiệm trước khi sử dụng các thiết bị điện.

1.22. Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện; hướng dẫn cụ thể về trình tự phải thực hiện trong các trường hợp: hỏa hoạn, sơ cứu, cấp cứu, hồi sức cho những người bị điện giật; tên và cách thức liên lạc của người được giao nhiệm vụ quản lý an toàn điện để thông báo, liên lạc khi xảy ra tai nạn do điện, sự cố nguy hiểm như cháy, nổ thiết bị hoặc sự cố khác.

1.23. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

1.24. Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn.

1.25. Đã lập kế hoạch và có biện pháp thi công, biện pháp xử lý các sự cố, biện pháp cứu nạn cụ thể trước khi thực hiện đào, đắp đất đá được cấp có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận.

1.26. Đã xác định vị trí cụ thể của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể gây nguy hiểm khi thi công như cống ngầm, ống dẫn khí đốt, ống dẫn nước, đường dây dẫn điện và các hệ thống ngầm khác.

1.27. Đã rào ngăn cách hoặc treo lên cao và có đánh dấu cảnh báo đầy đủ hoặc có biện pháp bao bọc bảo vệ để đảm bảo an toàn trong trường hợp các đường ống ngầm, đường dây dẫn điện và những hệ thống ngầm khác không thể di dời hoặc không thể ngắt kết nối.

1.28. Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng, kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì, tháo dỡ ván khuôn; lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ; lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công; kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng lao động ghi chung chung: mục địa điểm làm việc ghi "Công ty TNHH DHG" là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Chưa quy định mức phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định, cụ thể: quy định quản lý, sử dụng các thiết bị nâng theo quy chuẩn QCVN 02:2011/BLĐTBXH đã hết hiệu lực thi hành; quy định việc rào chắn với chiều cao 1m tại các vị trí giếng, hầm, hố trên mặt bằng và lỗ trống trên sàn tầng công tác là chưa đảm bảo quy định tại mục 2.1.5.1 và mục 2.8.2.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công trong xây dựng QCVN 18:2021/BXD.



2.4. Chưa lập hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5. Túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (garo, gạc thấm nước, panh không máu trắng, nẹp) quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6. Chưa bố trí lan can, các vật cản để chặn và (hoặc) rào chắn vững chắc, phù hợp để ngăn người hoặc các vật rơi xuống hố đào theo quy định tại mục 2.8.2.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công trong xây dựng QCVN 18:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Đoàn thanh tra đình chỉ thi công tại khu vực đào hố móng của nhà thầu, yêu cầu nhà thầu khắc phục hành vi vi phạm, báo cáo chủ đầu tư phê duyệt trước khi tiến hành thi công tiếp.

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 26/QĐ-XPVPHC ngày 07/6/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp với hành vi vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động; hình thức xử phạt: phạt tiền; số tiền xử phạt: 50.000.000 đồng (bằng chữ: năm mươi triệu đồng chẵn).

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khắc phục ngay vi phạm số 2.6.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Phần 2 Mục III, đồng thời báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long